TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Số: **337**/2019/DS-PT
Ngày: 16/11/2019
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Cùng các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLPT-DS ngày 03/10/2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện MCN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Đỗ Bích H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Bích H: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1972, địa chỉ: số nhà 49, khu phố 2, phường 3, Th phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

1.2 Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1962; (Chết năm 2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph (chết ngày 07/12/2018):

- Bà Đỗ Bích H, sinh năm 1960;

- Anh Nguyễn Phúc H1, sinh năm 1983;

- Anh Nguyễn Phúc Th, sinh năm 1984;

- Chị Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1941;

Địa chỉ: ấp AP, xã AT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp AQ, xã ĐPH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1942;

2.2 Ông Đỗ Khắc N, sinh năm 1939;

2.3 A Đỗ Khắc T5, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị T4, ông Đỗ Khắc N, A Đỗ Khắc T5: Ông Đỗ Khắc T6, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp AQ, xã ĐPH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

3.2 Anh Nguyễn Ph H1, sinh năm 1983;

3.3 Anh Nguyễn Ph Th, sinh năm 1984;

3.4 Chị Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm 1986;

3.5 Bà Đồng Thị Mai L, sinh năm 1981

3.6 Ông Đỗ Khắc T6, sinh năm 1968;

3.7 Anh Đỗ Th C, sinh năm 1996;

3.8 Anh Đỗ Th DA, sinh năm 2000;

3.9 Chị Đỗ Tường V, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

3.10 Ủy ban nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Bích H, bà Huỳnh Thị T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2016, đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 12/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Ph và bà H. Cụ thể:

Đối với thửa 66 (thửa cũ là 2271): Do bà H nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Đầm vào ngày 22/3/2002, có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Bà Đầm là mẹ ruột của bà T4, là bà ngoại của bà H (tức bà T4 là mẹ ruột của bà H). Trước đó phần đất này do bà H quản lý, do bà H đã mua vào năm một ngàn chín trăm tám mươi mấy (không nhớ chính xác). Hiện tại việc mua đất chỉ còn hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/3/2002, ngoài ra không còn chứng cứ khác. Thửa đất này bà T4 không có quản lý, do bà H quản lý.

Đối với thửa 69 (thửa cũ là 2264): Nguồn gốc đất trước đây (vào năm 1976 hay 1977), bà T4 mua của một người tên là bà Chín Đậu. Vào năm 1992, bà T4 bán phần đất này lại cho bà H, do trước đó vào năm 1990 hay 1991 bà T4 bị C an huyện Mỏ Cày bắt nên bà H đem tiền chuộc bà T4 về (giá 06 chỉ vàng 24k). Số vàng này được xem là vàng mà bà H mua đất của bà T4. Từ năm 1991 đến nay, bà H quản lý đất. Thửa đất này đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H vào năm 1997. Khi bà H quản lý đất, trên đất có cái nhà cũ của bà T4, bà H ở trong nhà này. Đến năm 1995, bà H cất nhà kiên cố tại vị trí nhà cũ luôn. Vào năm 2003, bà H cất nhà khác cho riêng một mình bà T4 ở cho đến già, lúc đó không có A T5 ở. Đến năm 2007, A T5 là em trai của bà H mới về ở trong căn nhà này. A T5 có hứa khi nào bà H cần thì trả lại. Hiện tại bà T4 không còn ở trong nhà này nữa. Hiện nay nhà do vợ cH A T5, chị L và các con của A T5 là C, DA, V ở. Phía nguyên đơn có yêu cầu bà T4 và những người liên quan đang ở trong căn nhà thuộc thửa 69B trả lại nhà đất nhưng bà T4 và những người liên quan không đồng ý trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Huỳnh Thị T4, ông Đỗ Khắc N, ông Đỗ Khắc T6, A Đỗ Khắc T5, chị Đồng Thị Mai L, A Đỗ Th C, A Đỗ Th DA, chị Đỗ Tường V phải di dời đồ đạc trong nhà và phần đất hiện đang sử dụng

để trả lại tài sản gồm nhà và đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 (thửa 69B), tờ bản đồ số 24, diện tích 82,8m^2 cho các nguyên đơn. Không bồi hoàn gì cho phía bà Huỳnh Thị T4.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Đồng ý kết quả thực hiện, không khiếu nại, không yêu cầu thực hiện lại.

Theo đơn phản tố ngày 24/10/2016, đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 29/5/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Khắc T6 trình bày:

Nguồn gốc 02 thửa đất trA chấp là của bà T4. Cụ thể:

Đối với thửa 69: Bà T4 mua của bà 09 Đậu (không rõ họ tên cụ thể, là mẹ cH của bà 02 Cất – Võ Thị Cất) vào năm 1975. Lúc mua không có làm giấy tờ. Bà T4 và ông N quản lý đất, cất 02 căn nhà và 01 cái cháy cũng trong năm 1975 (hết gia đình gồm: vợ cH bà T4, ông N, các con là bà H, bà Đỗ Thị Hoa, bà Đỗ Bích Thủy, ông Đỗ Khắc Chung, Đỗ Khắc T6, bà Đỗ Thị Cúc, ông Đỗ Khắc Sơn, ông Đỗ Khắc Hà – lúc này chưa có vợ, cH gì hết ở trên 02 căn nhà này). Đến năm 1977, ông Đỗ Khắc T5 sinh ra cũng ở trong nhà này. Đến năm 1978, sử dụng nhà làm lò kẹo. Sau đó, đến năm 1989 - 1990, bà T4 nghỉ làm lò kẹo, vẫn sử dụng nhà để ở (mấy người con gái có cH theo cH, ông Chung đi bộ đội chết, còn lại vẫn ở trên đất). Đến năm 1993, trên đất còn bà Cúc, ông Sơn, ông Hà, ông T5 cùng ở trên đất với ba mẹ. Khoảng năm 1994 hay 1995, bà T4 thấy con gái là bà H khổ quá nên cho 02 nhà để dựa bán thức ăn gia súc (02 nhà này là của bà T4 trước đây làm lò kẹo). Sau đó bà H cất nhà mới trên nền nhà cũ, bà T4 không hay biết, còn những người con khác của bà T4 đi làm ăn xa, những người ở nhà còn nhỏ không biết. Bà H ở trên đất cho đến nay. Còn cái cháy cất năm 1975, từ ngày bà H sửa nhà cũ Th nhà mới thì A Đỗ Khắc T5 mới sửa cái cháy này Th nhà để ở cho đến giờ. Tuy nhiên, do nhà đã xuống cấp nên hiện nay chỉ có vợ cH A T5 cùng con ở, còn A Đỗ Th C và A Đỗ Th DA đi đi về về căn nhà này, còn bà T4 và ông N qua ở đậu nhà người con khác. Trong hộ khẩu của bà T4 hiện có ông N, bà T4, ông T6, A T5, chị L, A C và A DA (con ông T6), chị V (con A T5).

Đối với thửa 66: Bà T4 mua của bà 02 Cất vào năm 1981. Sau đó cũng sử dụng cất 01 cháy để sơ dừa, mụn dừa làm kẹo, hiện nay không còn do bị mục. Hiện nay không ai cất nhà trên đất, chỉ còn mấy cái cây. Thửa đất 66 này do bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý đất nên bà T4 mới yêu cầu trả.

Lý do bà T4 không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trước đây gia đình quá khổ, đi tứ tán làm ăn, không nghĩ đến việc đăng ký kê khai hay xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gì hết. Đến ngày 16/3/2016, khi bà T4 sửa nhà, bà H kêu C an xuống, lúc đó mới biết bà H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm làm kẹo, bà T4 có nộp thuế làm kẹo, còn thuế nhà đất, thuế đất nông nghiệp không có nộp do không có thu. Hai thửa đất này từ trước đến nay không có đưa vào tập đoàn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì phía bị đơn không đồng ý. Bị đơn phản tố yêu cầu: Yêu cầu bà H và ông Ph trả lại cho bà diện tích đất các thửa 69A và 69B tờ bản đồ số 24, diện tích 200.6m^2 và thửa 66 tờ bản đồ số 24 diện tích 137.6m^2 cùng tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre cho bà T4 được sử dụng. Hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Bích H và ông Nguyễn Văn Ph do Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày cấp, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 69, tờ bản đồ số 24, diện tích 200.6m^2 và thửa 66, tờ bản đồ số 24, diện tích 137.6m^2, tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Yêu cầu Tòa án C nhận 02 thửa đất này là của bà Huỳnh Thị T4. Buộc bà Đỗ Bích H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph trả lại thửa đất 66 và thửa đất 69 cho bà T4. Trên thửa đất 69 (gồm 69A và 69B). Thửa 69A có 02 căn nhà do bà Đỗ Bích H và ông Nguyễn Văn Ph cất, yêu cầu di dời nhà, trả đất, không bồi thường. Đối với phần nhà mà A Đỗ Khắc T5 đang ở trên thửa 69B, bà T4 vẫn cho ở tiếp vì bà T4 sẽ về ở chung với A T5.

Tại C văn số 2259/UBND – NC, ngày 13/9/2017, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N là ông Võ Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trình bày:

Về thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 1 (thửa mới là 69, tờ bản đồ 24): Năm 1994 đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã ĐPH (nay là xã TH), bà Đỗ Bích H đứng tên kê khai đăng ký trong hồ sơ địa chính thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 1, xã TH và đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Nam) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0468QSDĐ/1076/QĐ-UB ngày 16/5/2003 cho hộ bà Đỗ Bích H. Tuy nhiên, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện không có lưu giữ hồ sơ.

Ngày 22/6/2013, bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc chính quy, thuộc thửa 69, tờ bản đồ số

24, diện tích 197.1m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ bà H, ông Ph ngày 28/8/2014 theo quy định tại khoản 1, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Về thửa đất số 2271, tờ bản đồ số 1(thửa mới là 69, tờ bản đồ 24): Năm 2002, bà Đỗ Bích H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Đầm, diện tích 139m^2, thuộc thửa số 2271, tọa lạc ấp HT, xã TH (hợp đồng chuyển nhượng số 290 ngày 05/3/2002). Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày ban hành Quyết định số 738/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý hồ sơ địa chính, nội dung cụ thể: cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đỗ Bích H diện tích 139m^2 đất ở. Lý do: Bà Đỗ Bích H đã chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp.

Ngày 22/6/2013, bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc chính quy, thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 24, diện tích 141.9m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ bà H, ông Ph ngày 28/8/2014 theo quy định tại khoản 1, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đồng Thị Mai L trình bày:

Năm 2002, chị lấy cH và về ở trên ngôi nhà của bà T4. Ngôi nhà đó của bên cH chị nên chị không có ý kiến và yêu cầu gì đối với thửa đất số 69. Nay bận C việc nên xin vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan A Đỗ Th C, A Đỗ Th DA, chị Đỗ Tường V trình bày:

Các A chị không có ý kiến gì về vấn đề trA chấp giữa bà H và bà T4. Xin vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại Văn bản nêu ý kiến cùng ngày 23/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H T3, anh Nguyễn Ph H1, anh Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch cùng trình bày:

Về việc tranh chấp, các anh chị bảo lưu quan điểm theo yêu cầu của nguyên đơn. Xin vắng mặt các lần Tòa án triệu tập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện MCN quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 163, Điều 166, Điều 188 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2.

Chấp nhận 01 phần và bác 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị T4.

Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 về việc buộc bà Huỳnh Thị T4, ông Đỗ Khắc N, ông Đỗ Khắc T6, A Đỗ Khắc T5, chị Đồng Thị Mai L, A Đỗ Th C, A Đỗ Th DA, chị Đỗ Tường V phải di dời đồ đạc trong nhà trên phần đất hiện đang sử dụng để trả lại tài sản gồm nhà và đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69B, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 82.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 trả lại cho bà Huỳnh Thị T4 phần đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69B, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 82.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

C nhận phần đất này là của cá nhân bà Huỳnh Thị T4.

Hiện trạng trên đất: 01 bụi tre; Nhà gỗ tạp, cột gỗ, mái tole kẽm, không trần, nền gạch tàu (đã cũ mục, mái tole hư hỏng nặng, đoàn tay gãy), diện tích 23.04m2. Do nhà trên thửa 69B hiện do vợ cH A Đỗ Khắc T5, chị Đồng Thị Mai

L cùng ông Đỗ Khắc T6, A Đỗ Th C và A Đỗ Th DA (con ông Đỗ Khắc T6), chị Đỗ Tường V (con A Đỗ Khắc T5) quản lý và sử dụng, bà Huỳnh Thị T4 không yêu cầu trA chấp nên không giải quyết. Phần đất này giáp lộ nên không mở lối đi.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph trả 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69A, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế 117.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph trả thửa 66, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 137.6m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

5. Bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02412, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N cấp cho hộ bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph ngày 28/8/2014 - thửa 69, tờ bản đồ số 24; Và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02411, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N cấp cho hộ bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph ngày 28/8/2014 - thửa 66, tờ bản đồ số 24. Cùng tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

6. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Bích H và ông Nguyễn Văn Ph tại thửa 69, tờ bản đồ số 24 để cấp lại cho các bên đương sự như nêu trên đúng quy định. Trường hợp không điều chỉnh được, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại cho các bên đương sự như nêu trên đúng quy định.

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày N thực hiện đo vẽ kèm theo – là một phần của bản án, không tách rời bản án).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/8/2019 bà Huỳnh Thị T4 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu C nhận thửa đất 66, 69 tờ bản đồ 24 cho bà. Ngày 27/8/2019 bà Đỗ Thu H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không đồng ý giao thửa 69B cho bà T4.

Tại phiên Toà Ph thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rU một phần yêu cầu khởi kiện và kháng cáo không yêu cầu bà T4, ông N, ông T6 di dời ra khỏi căn nhà trả lại thửa đất 69B cho bà H do hiện nay bà T4, ông N, ông T6 không còn ở tại căn nhà này nữa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ quan điểm theo yêu cầu phản tố của bà T4, buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ph trả lại thửa đất 69A và thửa đất 66 cùng tờ bản đồ 24.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với thửa đất số 66, bà H cho rằng bà nhận chuyển nhượng của bà Đầm. Bà T4 cho rằng bà mua của bà hai Cất vào năm 1981 nhưng trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận và bà T4 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Theo quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Đầm là người đăng ký trong hồ sơ địa chính và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với thửa đất 69, bà H cho rằng bà T4 đã chuyển nhượng cho bà thửa đất này với giá 06 chỉ vàng. Số vàng này bà H dùng để chuộc bà T4 về do bị C an huyện Mỏ Cày N bắt. Tuy nhiên, bà T4 không thừa nhận và theo kết quả thu thập chứng cứ, C an huyện Mỏ Cày N xác định không có tài liệu về tiền án, tiền sự của bà T4 lưu trong tàng thư. Bà H có cung cấp văn bản "Làm chứng sau này" và " Giấy tay bán đất nền nhà". Tuy nhiên, hai văn bản này không thể hiện rõ thửa đất, diện tích, vị trí, tứ cận… nên không thể xem là chứng cứ chứng minh. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà H trong khi trên đất có nhà của bà T4 nhưng cơ quan có thẩm quyền không xem xét là chưa đúng quy trình. Do đó, có căn cứ cho rằng thửa đất 69 thuộc quyền sử dụng của bà T4. Do cả bà H và bà T4 ai cũng có nhu cầu sử dụng đất nên buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ph phải trả lại thửa đất 69A cho bà T4 nhưng bằng giá trị với số tiền 82.460.000 đồng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T4, sửa một phần án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Đỗ Bích H cho rằng thửa đất số 69 tờ bản đồ số 24 là do bà mua của bà T4. Sau đó bà có cất cho bà T4 một căn nhà trên đất để bà T4 ở, bà H không cho vợ cH A T5 ở. Nay bà có nhu cầu lấy lại đất nhưng những người liên quan đang ở trong căn nhà là A T5, chị L, A C, A DA, chị V không chịu trả lại nhà đất. Bà H khởi kiện yêu cầu bà T4 và những người liên quan phải di dời ra khỏi nhà trả tài sản cho bà. Phía bà T4 cho rằng thửa đất số 66, 69 tờ bản đồ số 24 là của bà, nhưng bà H tự ý đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất này. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, bà có phản tố yêu bà H, ông Ph trả lại cho bà hai thửa đất trên, đồng thời yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Mỏ Cày Nam đã cấp cho bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Văn Ph.

Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà H yêu cầu cấp Ph thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, những người liên quan là A T5, chị L, A C, A DA, chị V di dời ra khỏi nhà trả nhà đất tại thửa 69B cho bà và kháng cáo của bà T4 yêu cầu cấp Ph thẩm xem xét buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ph trả lại cho bà thửa đất 69A:

Đối với thửa đất 69 thì các bên đều thống nhất nguồn gốc là của bà T4 mua của bà Chín Đậu (không rõ họ tên đầy đủ). Bà H cho rằng năm 1992 bà T4 đã chuyển nhượng phần đất này cho bà với giá 06 chỉ vàng 24K (trừ vào tiền bà H đem chuộc bà T4 về do bà T4 bị C an huyện Mỏ Cày N bắt vào năm 1990 – 1991). Tuy nhiên, căn cứ vào C văn số 269/CAH của C an huyện Mỏ Cày N thì *"...Căn cứ vào kết quả tra cứu ngày 08/11/2018 của Phòng hồ sơ C an tỉnh Bến Tre và tàng thư hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát C an huyện về tiền án, tiền sự của bà Huỳnh Thị T4 không có tài liệu trong tàn thư"*. Ngoài ra, bà H còn cung cấp chứng cứ là văn bản có tên *"Làm tờ chứng sau này"*, phía sau có xác nhận của ông Ngô Văn Bình vào ngày 29/5/1992 thay mặt chi bộ ấp HT và văn bản có tên *"Giấy tay bán đất nền nhà"*, phía sau có xác nhận của bí thư chi bộ ấp ông Huỳnh Huỳnh. Bị đơn không thừa nhận nội dung hai văn bản này và có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà T4 trong hai văn bản này. Căn cứ vào kết luận

giám định thì không đủ cơ sở kết luận có phải chữ ký của bà T4 hay không. Đồng thời, nội dung của hai văn bản này cũng không thể hiện rõ đất được nêu trong hai văn bản này là thửa đất nào, diện tích bao nhiêu, vị trí, tứ cận giáp với đất của những ai. Ngoài các chứng cứ nêu trên phía nguyên đơn không cung cấp được các chứng cứ khác chứng minh cho trình bày của mình.

Mặt khác, xét quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H: Theo xác nhận của UBND huyện Mỏ Cày N, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày N thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 69 hiện nay đã bị thất lạc, chỉ đủ căn cứ xác định bà H đứng tên kê khai trong sổ địa chính vào năm 1994 để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/5/2003 (số 04068QSDĐ/1076/QĐ-UB(H)). Tuy nhiên, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H thì trên thửa đất có một phần đất do bà T4 cùng các Th viên trong gia đình quản lý, sử dụng làm nhà ở trước đó. Nhưng khi thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H cơ quan có thẩm quyền chưa xác minh, lấy ý kiến những người ở trên đất mà đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng. Đồng thời, khi bà H kê khai đăng ký đối với thửa đất này thì bà T4 không có ở địa phương, không biết việc bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 69 nên bà không có ý kiến hay khiếu nại gì . Từ những phân tích trên, có căn cứ cho rằng thửa đất 69 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T4.

Tuy nhiên, việc bà H sử dụng đất là trên cơ sở có sự đồng ý của bà T4, bà T4 cho bà H sử dụng nhà để làm kho chứa thứa ăn gia súc. Sau đó, bà H cất nhà kiên cố và xây nhà kho mua bán thức ăn gia súc nhưng bà T4 và những người cùng quản lý thửa đất không có ngăn cản và ý kiến gì. Do phía bà H và bà T4 đều có nhu cầu về nhà ở nên cần chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T4, buộc bà H và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ph trả lại cho bà T4 thửa đất số 69B với diện tích 82,8m^2 và hoàn giá trị phần đất thuộc thửa đất 69A cho bà T4 với số tiền 82.460.000 đồng.

Đối với căn nhà trên thửa đất 69B, bà H cho rằng bà cất cho bà T4 ở nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không xem xét hoàn giá trị căn nhà cho bà H. Hiện tại căn nhà nay do gia đình A T5 quản lý sử dụng nhưng bà T4 và gia đình A T5 không có trA chấp nên không xem xét.

Do trên thửa 69B hiện nay do vợ cH A T5, chị L, ông T6, A C, A DA, chị V quản lý sử dụng, bà T4 không yêu cầu hay trA chấp gì nên không giải quyết. Chỉ C nhận phần đất này là của bà T4.

Đối với kháng cáo của bà T4 về thửa đất 66: bà T4 cho rằng phần đất này bà mua của bà hai Cất. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất này do bà Phạm Thị Đầm là mẹ bà T4, bà ngoại bà H là người đăng ký hồ sơ địa chính và đã được UBND huyện Mỏ Cày xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/1995. Vào ngày 05/03/2002 bà Phạm Thị Đầm đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Bích H, việc cấp giấy chứng nhận thực hiện đúng quy định pháp luật. Xét thấy, bà H nhận chuyển nhượng hợp pháp, ngay tình và sử dụng liên tục phần đất này từ năm 2002 cho đến nay. Bà T4 cho rằng mua của bà hai Cất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất này có nguồn gốc của bà hai Cất cũng như các giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà hai Cất. Do đó, yêu cầu của bà T4 về việc C nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 66 và kháng cáo của bà đối với thửa đất này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Kháng cào của bà T4 là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí Ph thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà T4 không phải chịu án phí Ph thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Bích H.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị T4.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N.

Căn cứ Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 163, Điều 166, Điều 188 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 về việc buộc A Đỗ Khắc T5, chị Đồng Thị Mai L, A Đỗ Th C, A Đỗ Th DA, chị Đỗ Tường V phải di dời đồ đạc trong nhà trên phần đất hiện đang sử dụng để trả lại tài sản gồm nhà và đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69B, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 82.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 về việc buộc bà Huỳnh Thị T4, ông Đỗ Khắc N, ông Đỗ Khắc T6 phải di dời đồ đạc trong nhà trên phần đất hiện đang sử dụng để trả lại tài sản gồm nhà và đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69B, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 82.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 trả lại cho bà Huỳnh Thị T4 phần đất theo đo đạc thực tế là 01 phần thửa 69 - ký hiệu thửa 69B, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 82.8m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

(Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.)

C nhận phần đất này là của cá nhân bà Huỳnh Thị T4.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 hoàn lại cho bà T4 phần giá trị thửa đất 69A, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 117,8m^2 với số tiền 82.460.000 (tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph là bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 được trọn quyền sử

dụng thửa đất 69A, tờ bản đồ số 24 và tài sản trên đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.)

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc buộc bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph trả thửa 66, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 137.6m^2. Đất tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.)

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T4 về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02412, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N cấp cho hộ bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph ngày 28/8/2014 - thửa 69, tờ bản đồ số 24; Và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02411, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N cấp cho hộ bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph ngày 28/8/2014 - thửa 66, tờ bản đồ số 24. Cùng tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

6. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày N điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Bích H và ông Nguyễn Văn Ph tại thửa 69, tờ bản đồ số 24 để cấp lại cho các bên đương sự như nêu trên đúng quy định. Trường hợp không điều chỉnh được, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại cho các bên đương sự như nêu trên đúng quy định.

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày N thực hiện đo vẽ kèm theo).

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị T4 được miễn do là người cao tuổi.

- Bà Đỗ Bích H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 liên đới chịu 300.000 đồng (phần bị bác yêu cầu) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003584, ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho bà Huỳnh Thị T4 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016606, ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 1.530.000 đồng cho bà Huỳnh Thị T4, A Đỗ Khắc T5 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003307, ngày 24/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng cho bà Đỗ Bích H, ông Nguyễn Văn Ph theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002882, ngày 09/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

8. Về chi phí tố tụng: Về lệ phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tài sản, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn bà T4 nộp: 1.350.000 đồng; nguyên đơn bà H nộp 67.000 đồng. Phía các nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên chịu ½ nên buộc bà Đỗ Bích H cùng cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ph bà Đỗ Bích H, chị Nguyễn Thị H T3, A Nguyễn Ph H1, A Nguyễn Ph Th, chị Nguyễn Thị H Ch, bà Nguyễn Thị T2 liên đới trả lại cho bà Huỳnh Thị T4 số tiền 708.500 đồng.

Về chi phí trưng cầu giám định 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị T4 phải chịu (đã nộp xong).

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị T4 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà Đỗ Bích H phải chịu số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ph thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006407 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N (Do ông Nguyễn Văn Đệ Nhị nộp thay bà Đỗ Bích H) là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án Ph thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy